TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 31/2023/DS-ST
Ngày 08 - 3 - 2023
"V/v tranh chấp QSD đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Việt
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Đức Tính
Ông Huỳnh Việt Bắc

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Lụa là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Hữu Duy – Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 161/2019/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2019 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 178/2022/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2022 giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Bùi Tấn T, sinh năm 1954 (có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã KH, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N – Luật sư của Văn phòng luật sư Ánh Sáng thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nhan Tấn B (Nhan Thanh Tùng), sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã KH, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Bùi Thị T – Luật sư của Văn phòng luật sư Bùi Đ và cộng sự thuộc Đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1959 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã KH, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của bà M: Ông Bùi Tấn T là nguyên đơn tại vụ án (có mặt).

2. Bà Phạm Thị L, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã KH, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

3. Bà Bùi Hồng C, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã KH, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

4. Bà Bùi Thị Kim X, sinh năm 1950 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã KH, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

5. Ông Đỗ Văn Đ, sinh năm 1947 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp A, xã KH, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.
6. Bà Trịnh Thị V, sinh năm 1952 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp A, xã KH, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.
7. Bà Đỗ Thị T (vắng mặt).
Địa chỉ: ấp A, xã KH, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.
8. Ủy Bn nhân dân huyện U Minh (vắng mặt).
Địa chỉ: khóm 3, thị trấn U Minh, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Ông Bùi Tấn T trình bày:

Năm 1993 và năm 1998, ông chuyển nhượng của bà VV hai lần với phần đất mặt tiền giáp sông ngang 16m (sau khi đổi 05m ngang lấy phần đất sau hậu của bà VV), mặt hậu ngang 15m, chiều dài 129m (từ sông trở vào hậu đất) nhưng hiện nay chiều dài còn khoảng 85m (lý do một phần do nhà nước quy hoạch khu làng cá KH), tọa lạc ấp A, xã KH, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, giá trị chuyển nhượng khoảng 23 chỉ vàng 24k. Phần đất này ông quản lý, sử dụng đến năm 1995 thì ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng một phần từ kinh trở vào một đoạn với diện tích 300 m^2 thổ cư, phần phía sau chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 22/01/2019, ông chuyển nhượng của ông Đỗ Văn Đ và bà Trịnh Thị V phần đất (một cạnh phía trước giáp với đất ông Nhan Tấn B) ngang 8,5m, phía sau hậu ngang 6,7m, chiều dài 35m, tọa lạc ấp A, xã KH, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, giá trị chuyển nhượng 135.000.000 đồng (ghi trong giấy sang nhượng chỉ 50.000.000 đồng). Phần đất này ông đang quản lý, sử dụng đến nay nhưng chưa chuyển tên quyền sử dụng đất, bà Đỗ Thị T (con ông Đ, bà V) vẫn đang đứng tên quyền sử dụng đất.

Đến năm 2019, ông và ông Nhan Tấn B tranh chấp ranh đất do ông xây dựng hàng rào thì phía ông Tấn B cản trở không cho xây dựng.

Ông khởi kiện yêu cầu ông Nhan Tấn B trả lại phần đất theo đo đạc có tổng diện tích 27,3 m^2, tọa lạc ấp 3, xã KH, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Ông Nhan Tấn B trình bày:

Năm 2017, ông chuyển nhượng của bà Bùi Hồng C phần đất ngang 9,7m (chỉ đo mặt tiền giáp sông ngang 9,7m, còn sau hậu đất không có đo), chiều dài từ kinh trở vào nhưng không có đo cụ thể, tọa lạc tại ấp A, xã KH, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, giá trị chuyển nhượng 120.000.000 đồng, đã thanh toán đủ tiền chuyển nhượng và nhận đất quản lý sử dụng đến nay. Phần đất này ông chưa chuyển tên quyền sử dụng đất, bà C vẫn còn đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2019, giữa ông và ông T phát sinh tranh chấp ranh đất. Ông xác định không có lấn chiếm đất của ông T nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

Ông phản tố yêu cầu ông T trả lại phần đất theo đo đạc có tổng diện tích 27,3 m^2, tọa lạc ấp A, xã KH, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Ông Đỗ Văn Đ trình bày:

Ngày 02/01/2019, ông và bà V chuyển nhượng cho ông T và bà M phần đất (cạnh phía trước giáp với đất ông Tấn B) ngang 8,5m, phía sau hậu ngang 6,7m, chiều dài 35,2m, tọa lạc tại ấp A, xã KH, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, với giá 135.000.000 đồng (hợp đồng ghi 50.000.000 đồng), đã thanh toán đủ tiền chuyển nhượng và giao đất cho ông T, bà M quản lý. Phần đất này con ông là bà Đỗ Thị T vẫn còn đứng tên quyền sử dụng đất chưa chuyển cho ông T và bà M đứng tên. Ông không có quyền lợi gì đối với phần đất nói trên nên ông không có yêu cầu gì tại vụ án.

- Bà Bùi Hồng C và bà Bùi Thị Kim X trình bày:

Năm 2017, bà C chuyển nhượng cho ông Nhan Tấn B phần đất diện tích 240 m^2, thuộc thửa số 818, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp A, xã KH, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, giá trị chuyển nhượng 120.000.000 đồng. Phần đất này có hai cạnh tiếp giáp với đất của ông Bùi Tấn T. Khi chuyển nhượng hai bên chỉ làm giấy tay, chưa làm thủ tục chuyển tên quyền sử dụng đất cho ông Tấn B đứng tên, khi chuyển nhượng bà C chỉ ranh đất cho ông Tấn B biết, hai bên không có đo đạc thực tế. Phần đất này đã giao cho ông Tấn B quản lý, sử dụng và đã nhận đủ số tiền chuyển nhượng đất. Phần đất nói trên đã chuyển nhượng cho ông Tấn B, hai bà không còn quyền lợi gì trên đất nên không có yêu cầu gì tại vụ án.

- Bà Nguyễn Thị M trình bày:

Bà thống nhất với trình bày của ông Bùi Tấn T, không có ý kiến gì khác.

- Bà Phạm Thị L trình bày:

Bà thống nhất với trình bày của ông Nhan Tấn B, không có ý kiến gì khác.

- Bà Trịnh Thị V và bà Đỗ Thị T trình bày:

Hai bà thống nhất với trình bày của ông Đỗ Văn Đ, không có ý kiến gì khác.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Bùi Tấn T trình bày:

Phần đất của ông T đang quản lý, sử dụng thực tế còn thiếu so với diện tích đất ông T đã chuyển nhượng của bà VV và ông Đ. Đối với phần đất của ông Tấn B chuyển nhượng của bà C, ông Tấn B chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi chuyển nhượng không có đo đạc và kế cận xác định ranh giới. Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu ông Tấn B trả phần đất tranh chấp theo đo đạc tổng diện tích 27,3 m^2 là có căn cứ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận khởi kiện của ông T đối với ông Tấn B; chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Tấn B đối với ông T trả lại phần đất tranh chấp theo đo đạc tổng diện tích 27,3 m^2; về án phí đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng tại phiên tòa hôm nay bà Bùi Thị T và đại diện Ủy Ban nhân dân huyện U Minh vắng mặt

không có lý do; đối với bà Bùi Hồng C, bà Bùi Thị Kim X, ông Đỗ Văn Đ, bà Trịnh Thị V và bà Đỗ Thị T có đơn xin vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với những người tham gia tố tụng nói trên.

[2] Về nội dung khởi kiện của ông Bùi Tấn T đối với ông Nhan Tấn B, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Phần đất tranh chấp giữa ông T và ông Tấn B vị trí tại khu vực giáp ranh đất giữa hai bên, theo Mảnh trích đo địa chính số 281-2020 ngày 01/7/2020 thể hiện phần đất tranh chấp có hai phần, phần thứ nhất thửa số 2 diện tích 5,4 m^2 (ngang một cạnh 0,74m, một cạnh 0,30m; dài một cạnh 10,46m, một cạnh 10,45m), phần thứ hai thửa số 3 diện tích 21,9 m^2 (ngang một cạnh 8,52m, một cạnh 8,30m; dài một cạnh 2,63m, một cạnh 2,60m), tọa lạc ấp A, xã KH, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

[2.2] Về nguồn gốc phần đất của ông T và ông Tấn B có được từ việc chuyển nhượng. Ông T chuyển nhượng của bà Vẹo phần đất mặt tiền giáp sông ngang 16m (sau khi đổi 05m ngang lấy phần đất sau hậu của bà Vẹo), mặt hậu ngang 15m và chuyển nhượng của ông Đ, bà V phần đất ngang 8,5m (cạnh giáp với đất ông Tấn B), phía sau hậu ngang 6,7m, chiều dài 35m. Ông Tấn B chuyển nhượng của bà C (con bà X) phần đất ngang 9,7m (chỉ đo mặt tiền giáp sông ngang 9,7m, còn sau hậu đất không có đo cụ thể), chiều dài từ kinh trở vào nhưng không có đo đạc cụ thể.

[2.3] Phần đất của ông T chuyển nhượng của bà Vẹo một phần được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/5/1995 với diện tích 300 m^2, còn phần đất ông T chuyển nhượng của ông Đ và bà V hiện tại bà T đang đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 21/8/2013 với diện tích 227,6 m^2. Phần đất ông Tấn B chuyển nhượng của bà C, hiện tại bà C đang đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 02/7/2004 với diện tích 240 m^2. Theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T, bà T và bà C phần đất nói trên thể hiện khi cấp chỉ trích lục theo bản đồ, không có tiến hành đo đạc, hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có thể hiện kích thước chiều dài mỗi cạnh Bo nhiêu. Tại Công văn số 4012/UBND-NC ngày 09/8/2022 của Ủy Ban nhân dân huyện U Minh cung cấp thông tin xác định các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T, bà T và bà C trước đây được cấp theo hệ thống bản đồ 299, không có đo đạc thực tế, trích lục thủ công, không định vị tọa độ. Do đó, không có sơ sở xác định phần đất ông T (chuyển nhượng của bà Vẹo và chuyển nhượng của ông Đ, bà V) và phần đất ông Tấn B (chuyển nhượng của bà C) có kích thước mỗi cạnh dài Bo nhiêu để xem xét thực tế phần đất ông T và ông Tấn B đang quản lý, sử dụng có đủ kích thước chiều dài mỗi cạnh phần đất được cấp hay không. Ông T và ông Tấn B khi chuyển nhượng phần đất nói trên hai bên xác định chiều ngang, chiều dài và diện tích theo ước lượng, không có biên bản đo đạc thể hiện kích thước các cạnh, diện tích và ký giáp ranh của người sử dụng đất liên kề. Ngoài ra, hiện trạng phần đất của ông T và ông Tấn B cũng chưa có ranh giới, mốc giới để phân biệt đất giữa hai bên.

[2.4] Phần đất tranh chấp thứ nhất thửa số 2: Phần đất thực tế ông T và ông Tấn B đang quản lý, sử dụng cạnh giáp lộ xi măng (trừ phần đất tranh chấp ra) có kích thước nhỏ

hơn so với kích thước phần đất chuyển nhượng mà hai bên trình bày, cụ thể phần đất của ông T đang quản lý chiều ngang cạnh giáp lộ xi măng 15,80 mét, ông Tấn B đang quản lý chiều ngang cạnh giáp lộ xi măng 9,17 mét. Trong khi phần đất tranh chấp thửa số 2 cạnh giáp lộ xi măng ngang 0,74 mét, cạnh sau hậu ngang 0,30 mét. Nếu cộng thêm phần đất tranh chấp vào phần đất của mỗi bên thì chiều ngang phần đất cạnh giáp lộ xi măng của ông T và ông Tấn B sẽ lớn hơn so với chiều ngang lúc chuyển nhượng. Lấy phần đất tranh chấp cạnh giáp lộ xi măng chia cho ông T đủ 16 mét, phần còn lại ông Tấn B sẽ được 9,71 mét, sẽ đủ kích thước chiều ngang phần đất như hai bên xác định. Đối với cạnh tranh chấp phía sau hậu đất ngang 0,30 mét, phần đất của ông T và ông Tấn B tại vị trí này cũng không xác định được chiều ngang đất của người là Bo nhiêu, do đó cạnh tranh chấp sau hậu mỗi người được sử dụng tương ứng với tỷ lệ % mà cạnh phía trước giáp lộ xi măng được sử dụng, cụ thể ông T được sử dụng cạnh tranh chấp phía sau hậu chiều ngang tương ứng 1/3, còn ông Tấn B được sử dụng chiều ngang tương ứng 2/3. Như vậy, phần đất tranh chấp thửa số 2 ông T và ông Tấn B mỗi người được sử dụng như sau: Ông T được sử dụng hướng bắc giáp lộ xi măng ngang 0,20 mét, hướng nam giáp đất còn lại của ông T ngang 0,10 mét, hướng đông giáp đất còn lại của ông T dài 10,46 mét, hướng tây giáp phần đất tranh chấp ông Tấn B được quản lý dài 10,46 mét. Ông Tấn B được sử dụng hướng bắc giáp lộ xi măng ngang 0,54 mét, hướng nam giáp đất còn lại của ông T ngang 0,20 mét, hướng đông giáp phần đất ông T được quản lý dài 10,46 mét, hướng tây giáp còn lại của ông Tấn B và phần đất tranh chấp thửa số 3 dài 10,45 mét.

[2.5] Phần đất tranh chấp thứ hai thửa số 3: Theo biên bản hòa giải ngày 22/6/2017 và biên bản giao mốc đất ngày 26/6/2017 của Ủy Bn nhân dân xã KH thể hiện ông T, ông Đ và bà C đã thỏa thuận cắm mốc xác định phần đất của bà T và bà C như sau: Phần đất của bà T (hiện đã chuyển nhượng cho ông T) đông giáp ông T dài 30,5 mét, tây giáp ông Chiến dài 30,5 mét, nam giáp khu quy hoạch làng cá dài 6,8 mét, bắc giáp bà C dài 9 mét. Phần đất của bà C (hiện đã chuyển nhượng cho ông Tấn B) đông giáp ông T 10,7 mét, tây giáp ông Chiến 10,7 mét, nam giáp bà T 9 mét, bắc giáp lộ bêtông 9,8 mét. Theo Mảnh trích do địa chính số 281-2020 không tính phần đất tranh chấp, phần đất còn lại của ông T (chuyển nhượng của bà T) đang quản lý đông giáp đất ông T dài 30,82 mét, tây giáp đất bà Lan dài 31,3 mét; còn phần đất ông Tấn B (chuyển nhượng của bà C) đang quản lý đông giáp ông T 7,82 mét, tây giáp bà Lan 8,20 mét. Thực tế phần đất của ông T đang quản lý phần đất chuyển nhượng của bà T cạnh phía đông và phía tây có chiều dài lớn hơn so với thỏa thuận cắm mốc, còn phần đất của ông Tấn B đang quản lý phần đất chuyển nhượng của bà C cạnh phía đông và phía tây có chiều dài nhỏ hơn so với thỏa thuận cắm mốc. Phần đất của ông Tấn B đang quản lý công thêm phần đất tranh chấp thì cạnh phía đông dài 10,45 mét và cạnh phía tây dài 10,8 mét, gần bằng thỏa thuận cắm mốc nói trên. Từ những căn cứ trên, có cở sở xác định phần đất tranh chấp thửa số 3 diện tích 21,9 m^2 thuộc quyền sử dụng của ông Tấn B nên ông Tấn B được quản lý, sử dụng phần đất này.

[3] Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 22/01/2019 giữa ông T với ông Đ, bà V và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất năm 2017 giữa ông Tấn B và bà C, hai bên đã thanh toán xong tiền chuyển nhượng đất, nhận đất quản lý, sử dụng, các đương sự không có tranh chấp và không có yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Do khởi kiện của ông T và phản tố của ông Tấn B mỗi người được chấp nhận một phần nên ông T và ông Tấn B mỗi người phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận. Ông T là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu. Ông Tấn B phải chịu án phí 300.000 đồng. Ngày 05/11/2019, ông Tấn B nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004664 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được chuyển thu.

[5] Về chi phí đo đạc và định giá: Chi phí đo đạc và định giá tổng cộng 8.243.000 đồng (trong đó chi phí đo đạc 5.843.000 đồng và chi phí định giá 2.400.000 đồng). Ông Tấn B đã nộp xong toàn bộ chi phí đo đạc và định giá. Ông T và ông Tấn B mỗi người chịu ½ chi phí đo đạc và định giá. Ông T có nghĩa vụ thanh toán lại chi phí đo đạc và định giá cho ông Tấn B với số tiền 4.121.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 166, 175, 176, 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 100, 203 Luật đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1, 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần khởi kiện của ông Bùi Tấn T đối với ông Nhan Tấn B. Chấp nhận một phần phản tố của ông Nhan Tấn B đối với ông Bùi Tấn T.

Phần đất tranh chấp thửa số 2 diện tích 5,4 m^2, tọa lạc ấp A, xã KH, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau: Ông Bùi Tấn T được quản lý, sử dụng phần đất có kích thước cạnh phía đông giáp đất ông Bùi Tấn T dài 10,46 mét; cạnh phía tây giáp đất ông Nhan Tấn B được sử dụng dài 10,46 mét; cạnh phía nam giáp đất ông Bùi Tấn T dài 0,10 mét; cạnh phía bắc giáp lộ xi măng dài 0,20 mét. Ông Nhan Tấn B được quản lý, sử dụng phần đất có kích thước cạnh phía đông giáp đất ông Bùi Tấn T được sử dụng dài 10,46 mét; cạnh phía tây giáp đất ông Nhan Tấn B và phần đất tranh chấp thửa số 3 dài 10,45 mét; cạnh phía nam giáp đất ông Bùi Tấn T dài 0,20 mét; cạnh phía bắc giáp lộ xi măng dài 0,54 mét. Theo Mảnh trích đo địa chính số 281-2020 ngày 01/7/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện U Minh.

Ông Nhan Tấn B được quản lý, sử dụng phần đất tranh chấp thửa số 3 diện tích 21,9 m^2, tọa lạc ấp A, xã KH, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau. Kích thước phần đất như sau: cạnh phía đông giáp phần đất tranh chấp thửa số 2 dài 2,63 mét; cạnh phía tây giáp đất bà Trịnh C Lan dài 2,60 mét; cạnh phía nam giáp đất ông Bùi Tấn T dài 8,30 mét; cạnh phía bắc giáp đất ông Nhan Tấn B dài 8,52 mét. Theo Mảnh trích đo địa chính số 281-2020 ngày 01/7/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện U Minh.

Về án phí sơ thẩm: Ông Bùi Văn T là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu. Ông Nhan Tấn B phải chịu án phí 300.000 đồng (B trăm ngàn đồng). Ngày 05/11/2019, ông Nhan Tấn B nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng (B trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0004664 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được chuyển thu.

Về chi phí đo đạc và định giá: Ông Bùi Tấn T có nghĩa vụ thanh toán lại chi phí đo đạc và định giá cho ông Nhan Tấn B với số tiền 4.121.000 đồng (Bốn triệu một trăm hai mươi mốt ngàn đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực, ông Nhan Tấn B có đơn yêu cầu thi hành án, ông Bùi Tấn T chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền nói trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Bùi Hồng C, bà Bùi Thị Kim X, ông Đỗ Văn Đ, bà Trịnh Thị V, bà Đỗ Thị T và đại diện Ủy Bn nhân dân huyện U Minh vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- CCTHADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP TANDHUM.

Bùi Văn Việt

T VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Việt